TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thái Lãm.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Cẩm Mỹ – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị khu vực 12 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trương Minh H, sinh ngày 25/10/1983, CCCD số: 054083006334; trú tại: khu phố Đ, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: bà Lê Thị Thanh T, sinh ngày 19/10/1983, CMND số: 221198657; trú tại: khu phố Đ, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh H và Lê Thị Thanh T kết hôn vào năm 2000, sau đó vì mâu thuẫn nên ông H và bà T đã thuận tình ly hôn vào năm 2016. Đến năm 2018, ông H và chị T vì con nên đăng ký kết hôn lại vào ngày

21/5/2018 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay thuộc UBND phường H, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, cả hai cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để tiếp tục sống vì con. Nhưng trong quá trình sinh sống giữa ông H và bà T tiếp tục phát sinh quá nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, dẫn đến việc không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và tình cảm vợ chồng nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan đến nhau. Do đó, ông Trương Minh H yêu cầu được ly hôn bà Lê Thị Thanh T.

- Về con chung: ông H và bà T có 02 con chung là Trương Lê Minh H1, sinh ngày: 15/02/2001, đã trưởng thành và Trương Lê Minh H2, sinh ngày 24/8/2008. Hiện cháu H2 vẫn đang sống với bà Lê Thị Thanh T theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2016 của Toà án.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: ông H vẫn đang cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định số 46 của Tòa án nhưng thực tế ông H chu cấp tiền học, tiền sinh hoạt cho cháu H2 nhiều hơn rất nhiều. Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Toà giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu toà giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T được Tòa án triệu tập nhiều lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

* Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của ông Trương Minh H; công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông H được ly hôn bà T. Về con chung: tiếp tục giao em Trương Lê Minh H2, sinh ngày 24/8/2008 cho bà

T nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trương Minh H khởi kiện xin ly hôn bà Lê Thị Thanh T; cả hai có địa chỉ thường và hiện cư trú tại khu phố Đ, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk.

[1.2] Nguyên đơn (ông Trương Minh H) có đơn xin xét xử vắng mặt; và bị đơn (bà Lê Thị Thanh T) đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Minh H và bà Lê Thị Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay thuộc UBND phường H, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, cấp ngày 21/5/2018, là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Kết quả xác minh tại địa phương xác định: *"ông H và bà T hiện nay đang ly thân, không sống chung một nhà, ông H đang sống trên thửa đất do cha mẹ ông H để lại, còn bà T đang ở với con tại ngôi nhà chung của ông H, bà T";* bà T được toà án đã triệu tập để hoà giải nhưng bà T vẫn bỏ mặc không quan tâm. Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn *"tình cảm vợ chồng giữa ông H và T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống; ông H và bà T đã ly hôn vào năm 2016 và kết hôn lại và năm 2018 là vì con"* là có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; ông Trương Minh H được ly hôn bà Lê Thị Thanh T, để đảm bảo cho các bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.3] Về con chung: có 02 con chung tên Trương Lê Minh H1, sinh ngày: 15/02/2001, đã trưởng thành và Trương Lê Minh H2, sinh ngày 24/8/2008. Xét thấy, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2016 của Toà án nhân dân huyện Đông Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk) đã giải quyết giao 02 con chung giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, em H1 đã trưởng thành, em H2 gần đến tuổi thành niên (tính đến ngày xét xử sơ thẩm, em H còn 03 tháng 20 ngày là đủ 18 tuổi) vẫn đang sống với bà Lê Thị Thanh T; bà T vắng mặt không tranh chấp về việc nuôi con, không có ý kiến

về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao em H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn vắng mặt không tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con không nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trương Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 81, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Minh H được ly hôn bà Lê Thị Thanh T.

2. Về con chung: em Trương Lê Minh H1 (sinh ngày: 15/02/2001) đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao em Trương Lê Minh H2 (sinh ngày 24/8/2008) cho bà Lê Thị Thanh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét giải quyết.

Ông Trương Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: ông Trương Minh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000104 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (đã nộp đủ).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 12 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND phường Hoà Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.